

HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI CỦA NGƯỜI TÀY Ở THÔN PÒ CẠI, XÃ GIA CÁT, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

PHẠM QUANG LINH

Cùng với trồng trọt, hoạt động chăn nuôi là một ngành quan trọng của nông nghiệp hiện đại. Người Tày ở thôn Pò Cại chủ yếu chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt. Việc chăn nuôi này không chỉ góp phần bổ sung nguồn thực phẩm cho hộ gia đình, mà còn sử dụng cho một số nghi lễ của người Tày như đám ma, đám cưới, Rằm tháng 7... Bên cạnh đó, hiện nay một số hộ dân tại thôn Pò Cại đã mở rộng quy mô chăn nuôi, không chỉ gói gọn trong phạm vi tự cung tự cấp mà còn bán ra ngoài làng. Chăn nuôi, đặc biệt là nuôi trâu và lợn, đã trở thành nguồn thu nhập đáng kể cho một số hộ gia đình trong thôn.

Tim hiểu về hoạt động chăn nuôi trong thôn Pò Cại, bài viết này không chỉ miêu tả hoạt động ấy dưới góc độ dân tộc học truyền thống, mà còn so sánh và phân tích hoạt động chăn nuôi của thôn hiện nay so với trước Đổi mới (năm 1986). Đồng thời, bài viết còn tìm hiểu ý nghĩa của hoạt động chăn nuôi cùng với vai trò của nó đối với sự gắn kết cộng đồng người Tày từ góc nhìn nhân học kinh tế.

1. Tổng quan nghiên cứu

Chăn nuôi là một trong những hoạt động sinh kế quan trọng của các tộc người

nói chung, tộc người thiểu số nói riêng. Nghiên cứu về chăn nuôi đã từ lâu trở thành một vấn đề được quan tâm và tiếp cận từ nhiều góc độ, đặc biệt là Kinh tế học và Dân tộc học.

Từ góc độ kinh tế, chăn nuôi được nhìn nhận đơn thuần như một hoạt động tạo ra của cải vật chất. Bởi vậy, mục tiêu nghiên cứu chăn nuôi của Kinh tế học có những đặc trưng riêng. Nghiên cứu của trường Đại học Hohenheim kết hợp với Viện Chăn nuôi từ năm 2000 đến năm 2012 đã hướng vào các hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ ở miền núi phía Bắc dựa trên số liệu khảo sát thực địa tại một số điểm thuộc tỉnh Sơn La. Từ đó, nghiên cứu cố gắng đánh giá sự thích ứng và đưa ra những nhận định chung về hiệu quả của các mô hình với các hộ sản xuất khác nhau, giữa các nhóm sản xuất vừa tăng thu nhập cho tiêu thụ gia đình vừa tạo công ăn việc làm ổn định. Nghiên cứu cũng cho thấy sự khác biệt trong việc áp dụng giống giữa các nhóm hộ và đánh giá những khó khăn, giải pháp hỗ trợ phát triển chăn nuôi miền núi. Nghiên cứu “*Lựa chọn chính sách chăn nuôi nhằm thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập nông thôn và tăng trưởng ở Việt Nam*” năm 2001 của IFPRI (Viện Nghiên cứu chính sách lương thực quốc tế) và Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn là nghiên cứu toàn diện nhất về ngành chăn nuôi, bao gồm nhiều thành phần tham gia như: người sản xuất, thương gia, nhà chế biến, người tiêu dùng, người bán lẻ, cơ quan thú y... Nghiên cứu đã xây dựng một mô hình giả định phức tạp để phân tích định lượng chính sách cho ngành chăn nuôi.

Dưới góc độ dân tộc học, nghiên cứu về chăn nuôi có sự khác biệt. Chăn nuôi không đơn thuần chỉ là một hoạt động kinh tế mà còn bảo lưu các giá trị tinh thần trong đời sống các tộc người. Vật nuôi không chỉ là con vật để lấy thịt, đem bán mà còn là vật đem lại vận may cho chủ nhà theo quan niệm của người Tày, Nùng; hoặc quan niệm về sự tồn tại linh hồn của vật nuôi ở người Thái và đặc biệt, với người Hmông, vật nuôi như lợn được coi là “vị thần” có công giúp cha của Vua Hmông nên được quý trọng và nuôi nhiều (Lê Bé, 2004, tr. 8). Bên cạnh đó, vật nuôi còn là những món đồ hiến tế không thể thiếu trong các nghi lễ tôn giáo của cộng đồng tộc người và cũng như một thứ “của để dành” cho gia đình khi gặp khó khăn.

Với điều kiện tự nhiên nhất định, trình độ hiểu biết mỗi dân tộc thường tạo nên diện mạo chăn nuôi khác nhau. Đây là những cơ sở hình thành các tập quán chăn nuôi của mỗi tộc người và chứa đựng trong đó là các kinh nghiệm dân gian quý báu mà các tộc người sử dụng trong suốt quá trình chăn nuôi của mình. Nghiên cứu chăn nuôi dưới góc độ dân tộc học còn giúp nhận biết được bức tranh muôn màu về tập quán chăn nuôi của các dân tộc. Chẳng hạn, công trình của Mai Thanh Sơn về *Tập quán chăn nuôi và sử dụng trâu của người Thái ở miền Tây Nghệ*

An năm 1992 là một trong những nghiên cứu cụ thể và có nhiều đóng góp.

Hoạt động chăn nuôi của các tộc người thiểu số Việt Nam đã được đề cập nhiều trong các nghiên cứu. Song, hầu hết mới chỉ dừng lại ở mục chuyên khảo trong công trình tổng thể về tộc người. Nghiên cứu về chăn nuôi của tộc người Tày ở nước ta cũng vậy. Trong cuốn *Người Tày ở Việt Nam* của Nhà xuất bản Thông tấn (2009), chăn nuôi của người Tày được đề cập rất ngắn gọn ở phần nguồn sống; và phần nào được mô tả cụ thể hơn trong cuốn *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam* của Viện Dân tộc học (1992). Qua đó, hoạt động chăn nuôi của người Tày được phản ánh qua các ghi chép mô tả tập quán nuôi các con vật như trâu, ngựa, lợn, gà, vịt, cá, ong... nhằm phụ trợ cho canh tác ruộng nước của đồng bào. Có thể nói, những nghiên cứu trên đã góp phần thể hiện sự phát triển khá đa dạng trong hoạt động chăn nuôi của người Tày, song, hầu như chưa đi sâu so sánh và phân tích tìm hiểu những ý nghĩa cũng như vai trò của hoạt động chăn nuôi đối với sự gắn kết cộng đồng. Đây là một trong những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu về chăn nuôi của người Tày nói riêng, các tộc người thiểu số ở Việt Nam hiện nay nói chung.

2. Thực trạng chăn nuôi của người Tày ở thôn Pò Cại

2.1. Chăn nuôi gia súc

2.1.1. Chăn nuôi trâu

Trâu là loài gia súc được chăn nuôi truyền thống và phổ biến của người Tày ở thôn Pò Cại để lấy sức kéo và làm thịt. Người Tày có món thịt trâu xào măng chua nổi tiếng. Tuy nhiên, qua kết quả nghiên cứu, trong 10 năm trở lại đây, số lượng trâu

tại thôn Pò Cại đã suy giảm mạnh, từ 99 con năm 2005 xuống còn 34 con năm 2013 (xem Bảng 1).

nông nghiệp và trồng trọt không còn giữ vai trò chủ đạo như trước đây, việc nuôi trâu cũng không quá cần thiết. Tuy nhiên, kết quả

Bảng 1. Tổng số trâu trong thôn qua các năm

Năm	2005	2007	2008	2010	2011	2012	2013
Số lượng (con)	99	60	68	65	47	37	34

Nguồn: Số liệu của UBND xã Gia Cát 2013 và của Trưởng thôn năm 2012 và 2013.

Có nhiều nguyên nhân để lý giải cho hiện tượng này. Trước đây, “con trâu là đầu cơ nghiệp”, tức tài sản và công cụ sản xuất của nhà nông, nên các hộ gia đình phải nuôi trâu để lấy sức kéo. Từ năm 1986, Việt Nam bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những sự chuyển biến rõ rệt trên mọi miền đất nước và thôn Pò Cại cũng không phải ngoại lệ. Do có vị trí địa lý giao thông khá thuận tiện nên thôn cũng có nhiều cơ hội để tiếp cận sớm với khoa học công nghệ, máy móc. Khoảng 5 năm trở lại đây, số hộ dân có máy kéo, máy cày trong thôn đã tăng đáng kể. Theo ông Hà Văn Thành - Trưởng thôn năm 2012, máy kéo và máy cày xuất hiện ở đây từ năm 2006 - 2007, làm giảm đi số hộ nuôi trâu để lấy sức kéo. Chỉ những hộ có ruộng ở xa hoặc ruộng lầy khó đưa máy vào thì mới phải nuôi trâu, song, số lượng trâu mà mỗi hộ cần nuôi cũng chỉ 1 - 2 con để kéo cày. Trong khi đó, việc ở gần trung tâm tỉnh và các cửa khẩu đã giúp người dân trong thôn dễ dàng tiếp cận với những công việc khác ngoài nghề nông. Hiện nay, một ngày lao động bốc vác thuê của người dân được trả từ 150.000 đến 300.000 đồng. Đây là mức thu nhập khá cao, nên rất đông người trong thôn, đặc biệt là thanh niên đi lao động làm thuê. Điều này dẫn tới sự thiếu hụt nhân lực trong hoạt động

phòng vẫn người dân lại cho thấy, lý do chính mà số lượng trâu trong thôn giảm đi là bởi không có người chăn nuôi. Ông Tô Quốc Thi cho biết, hiện nay trẻ em phải đi học, người già không đủ sức khỏe để chăn trâu. Dù vậy, thịt trâu có giá khoảng 220.000 đồng/kg, vẫn hấp dẫn với những nhà có nhân lực.

Trước đây, trâu được người dân nuôi thả rông. Tuy vậy, từ năm 1960, khi hợp tác xã được thành lập, đồng bào đã gom gia súc vào hợp tác xã và có người phụ trách chăn nuôi. Thời điểm đó, cả làng có hơn 10 người chăn trâu với mức khoảng 10 con/người. Mỗi người chăn trâu một năm, từ ngày 15/1 âm lịch tới ngày 28 Tết. Đến khoảng thời gian 1983 - 1984, khi giải thể hợp tác xã, các hộ gia đình tự chăn nuôi; từ đó, trong thôn không có sự liên kết hoặc giúp đỡ nhau giữa các hộ nuôi trâu. Song, hiện nay do trâu được nuôi nhốt trong chuồng nên trâu chống chọi tốt hơn với thời tiết, giảm nguy cơ chết bệnh. Hàng năm, trâu trong thôn được tiêm phòng nhưng có lúc tiêm miễn phí, lúc khác lại phải trả phí. Việc quản lý trâu thả rông bằng hương ước, luật lệ trong thôn hiện tại cũng khác biệt so với trước. Ngày xưa, nếu người dân trông coi không kỹ, để trâu ăn lúa của người khác thì sẽ bị xử lý rất

nghiêm, còn hiện nay nếu chẳng may điều đó xảy ra thì người dân cũng chỉ nhẹ nhàng nhắc nhở nhau.

2.1.2. Chăn nuôi bò

Cùng với trâu, bò là loại gia súc quen thuộc và trước đây được các hộ dân trong thôn Pò Cại nuôi khá nhiều để lấy thịt và sức kéo phục vụ canh tác nông nghiệp. Song, theo số liệu thống kê của Ủy ban nhân dân xã Gia Cát, từ năm 2008 đến nay, người dân trong thôn không nuôi bò nữa. Theo những người cao tuổi trong thôn, khoảng 20 năm nay, người dân đã thay nuôi bò bằng nuôi trâu. Anh Hoàng Văn Tam (sinh năm 1994) cũng khẳng định, từ khi sinh ra, anh đã thấy người dân ở đây không nuôi bò. Năm 2012, trong thôn Pò Cại có duy nhất một hộ gia đình nuôi 2 con bò, nhưng đó là nuôi hộ

cho người anh trai và cũng đã bán chúng vào năm 2013. Theo lý giải của người dân, nguyên nhân chính là do bò không khỏe bằng trâu và không thích hợp với vùng núi cao. Vì thế, hiện người dân ở đây cũng chưa có hướng phát triển nguồn thu nào từ bò. Trên địa bàn xã Gia Cát đang có dự án nuôi bò và đã triển khai ở một số thôn, nhưng thôn Pò Cại không nằm trong danh sách này.

2.1.3. Chăn nuôi lợn

Theo số liệu thống kê của Trưởng thôn Pò Cại, tính đến tháng 8 năm 2013, trong thôn có 36/82 (43,9%) hộ nuôi lợn. Trung bình mỗi hộ nuôi 4,41 con lợn; hộ nuôi ít nhất khoảng 2 con, nhiều nhất trên 10 con. Vấn đề là, khoảng 10 năm trở lại đây, số lượng lợn trong thôn có xu hướng giảm dần, từ 470 con năm 2007 xuống còn 159 con năm 2013 (xem Bảng 2).

Bảng 2. Tổng số lợn trong thôn Pò Cại qua các năm

Năm	2005	2007	2008	2010	2011	2012	2013
Số lượng (con)	99	60	68	65	47	37	34

Nguồn: Số liệu của UBND xã Gia Cát năm 2013 và của Trưởng thôn Pò Cại năm 2013.

Có hai lý do dẫn đến suy giảm việc nuôi lợn của người dân ở đây, đó là bệnh dịch và thiếu lao động. Bà Nguyễn Thị Vượng, Trưởng thôn năm 2014 nói: “*Trước đây nhà nào cũng nuôi khoảng chục con lợn, giờ nuôi ít hơn vì dịch nhiều nên nuôi không được. Người nuôi không có lãi, thậm chí nhiều khi lỗ vốn*”. Bên cạnh số hộ dừng nuôi lợn do dịch bệnh, những hộ khác không nuôi là do thiếu lao động. Ông Tô Văn Nguyên cho biết: “*Nhà đã dừng nuôi lợn 3 - 4 năm nay*

vì neo người chăm sóc đàn lợn”. Song, neo người ở đây không phải nhà không có người, mà do các lao động chính đều đi làm ăn xa hoặc làm công việc khác. Có thể nói, do quá trình hội nhập, thanh niên trong thôn giờ đây chủ yếu đi làm các công việc bên ngoài thôn, dẫn đến việc chăn nuôi không còn được quan tâm. So với trước Đổi mới, việc nuôi lợn đã có nhiều thay đổi. Sau khi hợp tác xã giải thể năm 1983 - 1984, người dân trong thôn đã chuyển sang nuôi lợn nhốt trong chuồng.

Trước đây, họ lấy giống lợn một cách tự nhiên, sau khi lấy giống người đi xin giống sẽ cảm ơn người cho giống bằng chục trứng gà hoặc số tiền tương đương. Nay, họ phải mua tinh trùng về tự phối cho lợn nái của nhà mình hoặc mua lợn bột để nuôi. Trước đây, đồng bào chủ yếu nuôi giống lợn đen, còn hiện tại chỉ nuôi giống lợn trắng với ưu điểm to và mau lớn hơn. Theo người dân, cách đây 30 năm, giống lợn được nuôi chỉ có nguồn gốc từ Móng Cái, Quảng Ninh. Hiện nay là giống lợn Bắc Giang được đưa lên bán tại thành phố Lạng Sơn, nên nuôi ăn tạp và dễ nuôi hơn so với giống lợn trước kia.

Nếu trong giai đoạn hợp tác xã, người dân trong thôn chăn nuôi lợn chung thì nay mỗi nhà tự chăn lợn của nhà mình. Theo ông Đinh Văn Hợi, trước đây, khi dân số trong làng còn ít và việc nuôi lợn còn khó khăn thì hàng năm đồng bào vẫn có 2 dịp mổ lợn ăn cùng nhau vào mùng 6/6 và 3/2 âm lịch. Đây là những dịp để người dân trong thôn cùng ăn uống nhằm gắn kết mối quan hệ cộng đồng. Còn hiện giờ, do người trong thôn khá đông, con cháu lại đi làm ở nhiều nơi nên thôn chỉ còn mổ lợn chung vào ngày 7/1 âm lịch, tức khi có lễ hội *Lồng thồng*. Vào ngày này, mỗi hộ trong thôn cử một người đại diện ra nơi tổ chức lễ hội và cùng ăn uống.

Hiện tại, trừ một số ít hộ trong thôn nuôi vài ba con lợn để phục vụ nhu cầu thực phẩm của gia đình, đa số các hộ đều nuôi lợn

để bán. Người dân trong thôn cho biết, từ lúc nuôi lợn đến khi bán, mỗi con lợn lãi khoảng 1 - 2 triệu đồng. Trung bình hàng năm các hộ ở đây xuất chuồng 2 lứa lợn: một lứa vào tháng 3 - 4 và một lứa sát Tết Nguyên đán. Nếu nuôi cả lứa khoảng 10 con và thành công thì cũng thu được một khoản lợi nhuận khá. Tuy nhiên, nếu lợn không may bị dịch hoặc chết thì số tiền lãi sẽ không còn được bao nhiêu.

Những năm gần đây, tuy lợn thường xuyên bị dịch nhưng vẫn không được Nhà nước hỗ trợ. Một số người dân cho biết, chưa bao giờ được cán bộ thú y hoặc y tế thôn bản tới tiêm cho đàn lợn của thôn, và họ cũng không được tập huấn về chăn nuôi lợn. Tuy vậy, so với trước kia, hiện nay đồng bào đã biết một số kiến thức mới để phòng tránh bệnh cho lợn như tắm đàn lợn vào mùa nóng, thấp điện và quây chuồng lợn vào mùa lạnh. Những kiến thức này đều do họ tự học hỏi nhau, người đi trước truyền lại cho người đi sau.

2.2. Chăn nuôi gia cầm

2.2.1. Chăn nuôi gà

Gà được nuôi phổ biến ở người dân các tỉnh miền núi. Người Tày tại thôn Pò Cại thích nuôi gà. Theo số liệu thu được từ UBND xã và Trưởng thôn Pò Cại, hoạt động chăn nuôi gà ở đây đang có xu hướng gia tăng trong những năm trở lại đây (xem Bảng 3).

Bảng 3. Số lượng gà nuôi trong thôn qua các năm

Năm	2005	2008	2013
Số lượng (con)	220	900	2.419

Nguồn: Số liệu thu thập từ Trưởng thôn Pò Cại (tháng 10/2013).

Bảng 3 cho thấy, người dân trong thôn nuôi khá nhiều gà, trung bình mỗi hộ nuôi 31,41 con. Hiện tại, hộ nuôi gà nhiều nhất ở đây là ông Âu Văn Muôn, với hơn 80 con.

Nếu trước đây, người dân trong thôn Pò Cại chỉ nuôi các giống gà địa phương thì nay, với sự tiện lợi về giao thương, họ đang nuôi cả giống gà địa phương và gà công nghiệp Trung Quốc. Gà giống Trung Quốc được mua ở chợ Bản Ngà cách thôn khoảng 5km. Gà Trung Quốc ăn không chắc thịt như gà địa phương, nhưng nhanh lớn và to hơn. Giống gà Trung Quốc mới được người dân nuôi khoảng 10 năm trở lại đây.

Do nuôi với số lượng khá lớn, nên ngoài việc sử dụng gà làm thực phẩm cho gia đình, một số hộ còn bán gà vào các dịp rằm, lễ tết. Tuy nhiên, chỉ những hộ nuôi với số lượng trên 50 - 60 con mới có gà để bán vào dịp tết. Việc người Tày ở đây bán gà cũng rất đơn giản, do thương lái vào tận thôn thu gom gà với giá rẻ hơn 10.000 - 20.000 đồng/kg so với giá người dân mang trực tiếp ra chợ bán.

Trước đây, việc nuôi gà vẫn còn đơn giản, người dân chỉ cho ăn 2 - 3 lần/ngày bằng ngô hoặc thóc của gia đình. Thường sau 3 - 4 tháng chăm sóc, gà có thể được thịt ăn hoặc bán. Hiện nay, nhờ sự phát triển của khoa học kỹ thuật, đồng bào đã có một số kiến thức mới liên quan đến chăn nuôi gà như tiêm vắc xin phòng dịch, sưởi ấm cho gà công nghiệp bằng đèn điện, một số nhà nuôi gà trong chuồng mà không thả rông như trước kia...

Bên cạnh việc nuôi gà để làm thực phẩm và bán thu lợi nhuận, gà cũng là con vật không thể thiếu trong dịp lễ tết của người Tày. Theo người Tày ở thôn Pò Cại, con rết

phải mang 4 con gà sang biếu bố mẹ vợ vào dịp Tết trong năm đầu cưới vợ và 1 con vào dịp Tết các năm tiếp theo. Như vậy, không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, nuôi gà còn để bảo lưu văn hóa truyền thống của người Tày. Người dân trong thôn Pò Cại cho biết, vài năm gần đây, xu hướng nuôi gà tăng lên do đồng bào tích lũy được nhiều kinh nghiệm hơn.

2.2.2. Chăn nuôi vịt

Vịt là loại gia cầm gần bó lâu đời với người Tày. Do đó, không ngạc nhiên khi có tới 62/82 hộ, tức 75,61% số hộ trong thôn Pò Cại nuôi vịt. Tuy nhiên, khác với gà, số lượng vịt mà mỗi hộ gia đình nuôi khá khiêm tốn, chỉ dao động dưới 20 con. Tại thôn Pò Cại, hiện có ba hộ nuôi 20 con, hai hộ nuôi 5 con, số hộ còn lại nuôi 10 - 15 con.

Cũng như gà, ở Pò Cại hiện nay có giống vịt địa phương và giống vịt Trung Quốc. Vịt Trung Quốc lớn nhanh và to hơn vịt địa phương, song đều nuôi thả rông và cho ăn 1 lần/ngày, do trong thôn hiện có rất nhiều ao với nguồn thức ăn dồi dào là các loại thủy sinh.

Khác biệt với gà đôi khi được đem bán, tất cả người dân được phỏng vấn đều cho rằng, họ không bán vịt mà chỉ để dùng làm thực phẩm và phục vụ nghi lễ của gia đình. Người Tày có truyền thống con rết phải mang vịt sang tặng nhà vợ vào Rằm tháng 7 âm lịch, và đây cũng là lý do khiến đa số các hộ phải nuôi vịt để phục vụ nghi lễ này, chỉ ngoại trừ một số chủ hộ có vợ không phải người Tày. Tương ứng với truyền thống tặng vịt cho bố mẹ vợ, người Tày ở thôn Pò Cại thường nuôi vịt 2 đợt/năm. Đợt một từ tháng 3 tới tháng 7 và đợt còn lại từ tháng 8 đến tháng 12 để phục vụ ăn Tết. Như vậy, cho đến nay, chăn nuôi vịt trong thôn Pò Cại chủ

yếu phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghi lễ truyền thống của tộc người.

2.2.3. Chăn nuôi ngan, ngỗng

Bên cạnh gà và vịt, người dân ở thôn Pò Cại cũng nuôi ngan, ngỗng nhưng với số lượng hộ nuôi và số lượng con vật được nuôi không đáng kể. Hiện tại trong thôn chỉ có 8 hộ nuôi ngan với tổng số 110 con. Mỗi hộ nuôi khoảng 10 - 15 con để phục vụ nhu cầu thực phẩm của gia đình. Cá biệt, có hộ ông Tô Văn Hưng nuôi 40 con. Tuy nhiên, gia đình ông Hưng chỉ dùng ngan để phục vụ nhu cầu ăn uống của gia đình.

Còn ngỗng, trong thôn chỉ có 3 hộ nuôi, với tổng số 11 con. Dường như ngỗng đang được người dân nuôi thử nghiệm để xem mức độ thích nghi của loài vật này với khí hậu của thôn, từ đó làm cơ sở để quyết định có đầu tư chăn nuôi loài vật này tại thôn trong tương lai.

2.3. Các loại vật nuôi khác

2.3.1. Cá

Hiện tại, trong thôn Pò Cại có 17 ao cá, nhưng diện tích mỗi ao khá nhỏ, từ 0,5 đến 2,5 sào¹. Chỉ duy nhất gia đình ông Quan Văn Huyền có chiếc ao với diện tích khoảng 10 sào, hiện đang giao cho ba người con phân công nhau sử dụng luân phiên mỗi người trong 2 năm. Bên cạnh đó, các ao nuôi cá trong thôn cũng không sâu, chỉ khoảng 1 - 1,5m.

Do diện tích các ao không lớn nên ngoài ao của gia đình ông Quan Văn Huyền, hầu hết người dân trong thôn chỉ nuôi cá để làm thực phẩm cho gia đình. Vì thế, hình thức đánh bắt cá dưới ao của người dân rất thô sơ: dùng cần câu lưỡi chum hoặc quăng chài kéo cá mỗi khi có nhu cầu. Do cá nuôi để phục vụ nhu cầu gia đình, nên ngoài nhà

ông Quan Văn Huyền, các hộ dân đều không dùng cám tăng trọng.

Cùng với thời gian, các loại giống cá dần dần được người dân thay đổi. Hiện nay, đa số hộ nuôi cá trắm, mè, trôi, chép... được mua tại trại cá giống ở thành phố Lạng Sơn. Cá giống được đồng bào thả xuống ao vào tháng 2 hoặc tháng 3 âm lịch, đến tháng 7 - 8 thì bắt đầu thu hoạch theo hình thức đánh tía. Thường 2 năm/lần, các hộ gia đình vét ao và thu hoạch toàn bộ cá trong ao. Tuy nhiên, nếu mùa đông nào mà nước xuống quá thấp, người dân buộc phải thu hoạch và tháo ao sớm do cá dễ bị chết lạnh. Họ cũng có thể tháo ao sớm hơn nếu cảm thấy ao đã quá nhiều bùn. Khi tháo ao, nếu bội thu thì bán bớt cá cho các hộ xung quanh, đem lại nguồn thu khoảng 1 - 2 triệu đồng.

Theo đồng bào Tày ở đây, họ chưa được tham gia bất kỳ lớp tập huấn về chăn nuôi cá từ các cấp chính quyền địa phương, mà chỉ để cá sống tự nhiên hoặc học cách nuôi cá theo kinh nghiệm người đi trước. Các biện pháp phòng dịch cho cá chưa được người dân áp dụng. Trừ hộ ông Quan Văn Huyền có sự phân chia chu kỳ nuôi cá giữa 3 người con, còn lại các hộ đều nuôi cá độc lập, chưa có mô hình hợp tác trong nuôi cá tại thôn Pò Cại.

2.3.2. Ong và chim

Nuôi ong lấy mật trước đây từng là một trong những nguồn thu không nhỏ của người Tày ở thôn Pò Cại. Song, do nuôi ong cần nhiều thời gian chăm sóc và hiện nay người dân có thể dành thời gian đó làm việc khác có thu nhập cao hơn, nên họ hầu như không còn chú trọng nuôi ong. Năm 2005, ở thôn Pò Cại còn 14 tổ ong, đến năm 2011 chỉ còn 5 tổ ong và từ năm 2013 không còn hộ nào nuôi ong.

¹ Sào Bắc Bộ, mỗi sào bằng 360m².

Nuôi chim không được người dân trong thôn tập trung đầu tư, mà thiên về phục vụ thú vui giải trí của một số người. Họ bắt chim rừng khi còn bé và nuôi đến khi chúng lớn. Những chú chim trưởng thành nếu bắt được thì họ đem bán ngay. Chim bé được đồng bào nuôi quanh năm, chủ yếu treo trong nhà. Thức ăn cho chim là cám tổng hợp được người dân mua ở chợ thành phố Lạng Sơn.

Dù mục đích chính của việc nuôi chim không phải là kinh tế, song cũng có một số ngoại lệ. Hàng năm trong dịp Tết Nguyên đán đều có hội thi chim cấp tỉnh và toàn miền Bắc diễn ra ở thành phố Lạng Sơn. Do thôn Pò Cại chỉ cách trung tâm tỉnh hơn chục cây số, nên người dân trong thôn mang chim đi thi khá đông. Những con chim hót tốt hoặc biết chọi tốt có thể được bán lại cho những người chơi chim với giá tiền triệu, thậm chí chục triệu. Đã có một số người dân trong thôn Pò Cại bán được chim với giá này.

Kết luận

Hoạt động chăn nuôi hiện nay của người dân ở thôn Pò Cại chủ yếu vẫn phục vụ nhu cầu thực phẩm của gia đình. Chỉ có một số ít hộ có nguồn thu từ chăn nuôi lợn, trâu và cá thả ao. Hoạt động chăn nuôi gia súc của thôn đang có xu hướng giảm thiểu về quy mô và số lượng. Trong khi đó, hoạt động chăn nuôi gia cầm lại có chiều hướng gia tăng, vì gia cầm có thể đáp ứng được nhiều mục đích như cung cấp thực phẩm, bán lấy tiền khi cần, phục vụ các nghi lễ truyền thống...

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới xu hướng trên. Nguyên nhân cơ bản nhất, theo quan điểm của chúng tôi, là do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập tới cuộc sống của người dân

trong thôn. Máy móc dần thay thế sức kéo, các giống vật nuôi mới đã giúp người dân giảm số lượng chăn nuôi, thay vào đó chia làm nhiều đợt nuôi. Giao thông, mua bán trao đổi thuận tiện cũng khiến người dân giảm sự phụ thuộc vào hoạt động chăn nuôi, do chủ động mua thực phẩm khi có nhu cầu. Đặc biệt, các công việc mới xuất hiện đã đem lại nguồn thu cao và khá ổn định, nên đồng bào ưu tiên dành thời gian cho những công việc đó thay cho hoạt động trồng trọt và chăn nuôi truyền thống.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Bé (1995), “Chăn nuôi truyền thống của các dân tộc ở miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 26-34.
2. Lê Bé (Chế bản) (2004), *Chăn nuôi truyền thống của các dân tộc ở miền núi phía Bắc*, Viện Dân tộc học.
3. Đại học Hohenheim, Viện Chăn nuôi (2012), *Chuyển giao chương trình giống cộng đồng nhằm đưa các giống lợn địa phương vào hoạt động chăn nuôi bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La, Tây Bắc Việt Nam*.
4. IFPRI (Viện Nghiên cứu chính sách lương thực quốc tế), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2001), *Lựa chọn chính sách chăn nuôi nhằm thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập nông thôn và tăng trưởng ở Việt Nam*, Hà Nội.
5. Nhà xuất bản Thông tấn (2009), *Người Tày Việt Nam*, Hà Nội, tr. 78-95.
6. Mai Thanh Sơn (1992), “Tập quán chăn nuôi và sử dụng trâu của người Thái ở miền Tây Nghệ An”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 57-62.
7. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.